

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cho phép Công ty TNHH Phước Hải Lộc được chuyển mục đích sử dụng 34.044,9 m<sup>2</sup> đất tại xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản đất san lấp.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4152 /TTr-STNMT ngày 15 tháng 8 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Phước Hải Lộc đang sử dụng các thửa đất số: 486, tờ bản đồ 14, các thửa đất số 139, 185, 386, 387, 388 tờ bản đồ 19, ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được chuyển mục đích sử dụng 34.044,9 m<sup>2</sup> đất (gồm 10.418,8 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác; 4.815,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm; 18.810,6 m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản đất san lấp.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo các tờ Trích lục bản đồ địa chính số 981/TL-ĐC tỷ lệ 1:1500, 982/TL-ĐC và 983/TL-ĐC tỷ lệ 1:2000, do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh lập ngày 10/8/2016.

- Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: 5 năm 6 tháng, kể từ ngày 29/02/2016 đến ngày 29/8/2021 (Theo thời hạn của Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND Tỉnh).

- Nghĩa vụ tài chính: Nộp tiền thuê đất hàng năm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thời điểm tính tiền thuê đất: kể từ ngày 04/6/2015 (ngày cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1219/GP-UBND ngày 04/6/2015).

\* Đối với diện tích 608 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Công ty Phước Hải Lộc phải thực hiện thủ tục đăng ký biến động tại Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

\* Đối với diện tích 3.022,5 m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước còn lại thuộc thửa 488, tờ bản đồ số 14, xã An Bình, huyện Châu Thành: Công ty Phước Hải Lộc đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa gửi UBND huyện Châu Thành tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh xem xét, trình HĐND Tỉnh thông qua. Sau khi được HĐND Tỉnh thông qua, Công ty thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Châu Thành, Cục Thuế tỉnh Tây Ninh, Công ty TNHH Phước Hải Lộc, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thông báo cho Công ty TNHH Phước Hải Lộc nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;
- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Phước Hải Lộc theo quy định;
- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính cấp tỉnh và cấp huyện;
- Chỉnh lý hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Phước Hải Lộc sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Tây Ninh: Xác định đơn giá thuê đất, thông báo cho Công ty TNHH Phước Hải Lộc để thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật và chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở ký Hợp đồng thuê đất.

3. UBND huyện Châu Thành:

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành và UBND xã An Bình xác định cụ thể mốc giới và bàn giao khu đất ngoài thực địa cho Công ty TNHH Phước Hải Lộc;
- Chỉ đạo UBND xã An Bình chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định;
- Bổ sung dự án này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Châu Thành trình UBND Tỉnh phê duyệt.

4. Công ty TNHH Phước Hải Lộc có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất theo quy định;
- Thực hiện theo Điều 2 Giấy phép khai thác khoáng sản số 1219/GP-UBND ngày 04/6/2015 của UBND Tỉnh;
- Thực hiện thủ tục đăng ký biến động đối với diện tích 608 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tại Văn

phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đối với diện tích 3.022,5 m<sup>2</sup> đất trồng lúa nước còn lại thuộc thửa 488, tờ bản đồ số 14, xã An Bình, huyện Châu Thành gửi UBND huyện Châu Thành tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh xem xét, trình HĐND Tỉnh thông qua. Sau khi được HĐND Tỉnh thông qua, Công ty thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung;

- Đăng ký với UBND huyện Châu Thành để bổ sung diện tích 37.675,4 m<sup>2</sup> đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tại các khu I, II, III vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Châu Thành;

- Sử dụng đất đúng ranh giới, đúng mục đích, có hiệu quả theo đúng quy định của Luật Đất đai và thực hiện việc bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ Môi trường hiện hành.

5. Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên trang thông tin điện tử của Tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành, Chủ tịch UBND xã An Bình, Giám đốc Công ty TNHH Phước Hải Lộc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./. *[Chữ ký]*

*Nơi nhận*

- Như Điều 3 (t/h);
- TTTT (đăng Website);
- Lưu: Văn thư, CVKT2.

12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

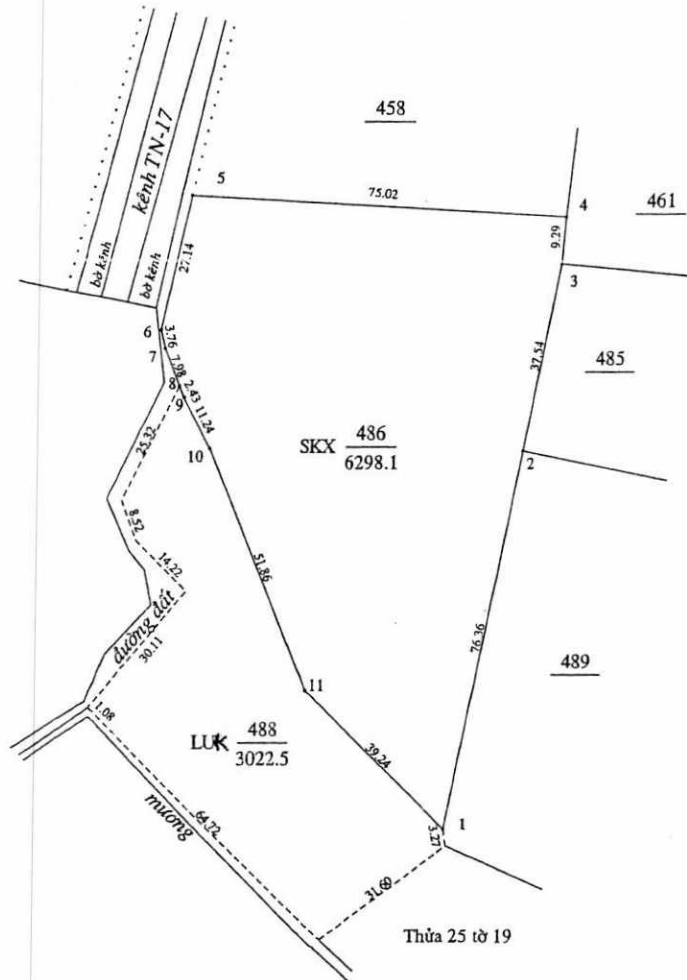


*[Chữ ký]*  
Nguyễn Thanh Ngọc

# TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số 181/TL-ĐC

1. Thửa đất số: 486, Tờ bản đồ số: 14  
Địa chỉ thửa đất: ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
2. Diện tích: 6298.1 m<sup>2</sup>
3. Mục đích sử dụng: SKX - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
4. Tên đơn vị sử dụng đất: **CÔNG TY TNHH PHƯỚC HẢI LỘC**  
Địa chỉ: ấp Long Thới, xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
5. Bản vẽ thửa đất:
- 5.1. Sơ đồ thửa đất:



5.2 Tọa độ đỉnh và chiều dài cạnh thửa:

| Số hiệu<br>đỉnh thửa | Tọa độ VN-2000 |           | Chiều dài<br>(m) |
|----------------------|----------------|-----------|------------------|
|                      | X              | Y         |                  |
| 1                    | 1246975,29     | 559214,72 | 76,36            |
| 2                    | 1247050,16     | 559229,72 | 37,54            |
| 3                    | 1247086,97     | 559237,10 | 9,29             |
| 4                    | 1247096,23     | 559237,86 | 75,02            |
| 5                    | 1247100,33     | 559162,95 | 27,14            |
| 6                    | 1247073,88     | 559156,87 | 3,76             |
| 7                    | 1247070,23     | 559157,79 | 7,98             |
| 8                    | 1247062,82     | 559160,76 | 2,43             |
| 9                    | 1247060,56     | 559161,66 | 11,24            |
| 10                   | 1247050,64     | 559166,95 | 51,86            |
| 11                   | 1247002,64     | 559186,58 | 39,24            |
| 1                    | 1246975,29     | 559214,72 |                  |

## Ghi chú:

- Trích lục BĐĐC này không thay thế GCN QSDĐ, QSHN ở và TSGL với đất
- Thửa 488 nằm trong giấy phép KTKS nhưng theo BĐ QHSĐĐ thì thuộc vùng QH trồng lúa.

Tỷ lệ 1:1500

(Kèm theo quyết định số: ...../QĐ-UBND ngày ...../...../..... của UBND.....)

Ngày 10 tháng 08 năm 2016  
NGƯỜI TRÍCH LỤC

Ngày 10 tháng 08 năm 2016  
P. GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH

DƯƠNG TẤN ĐẠT

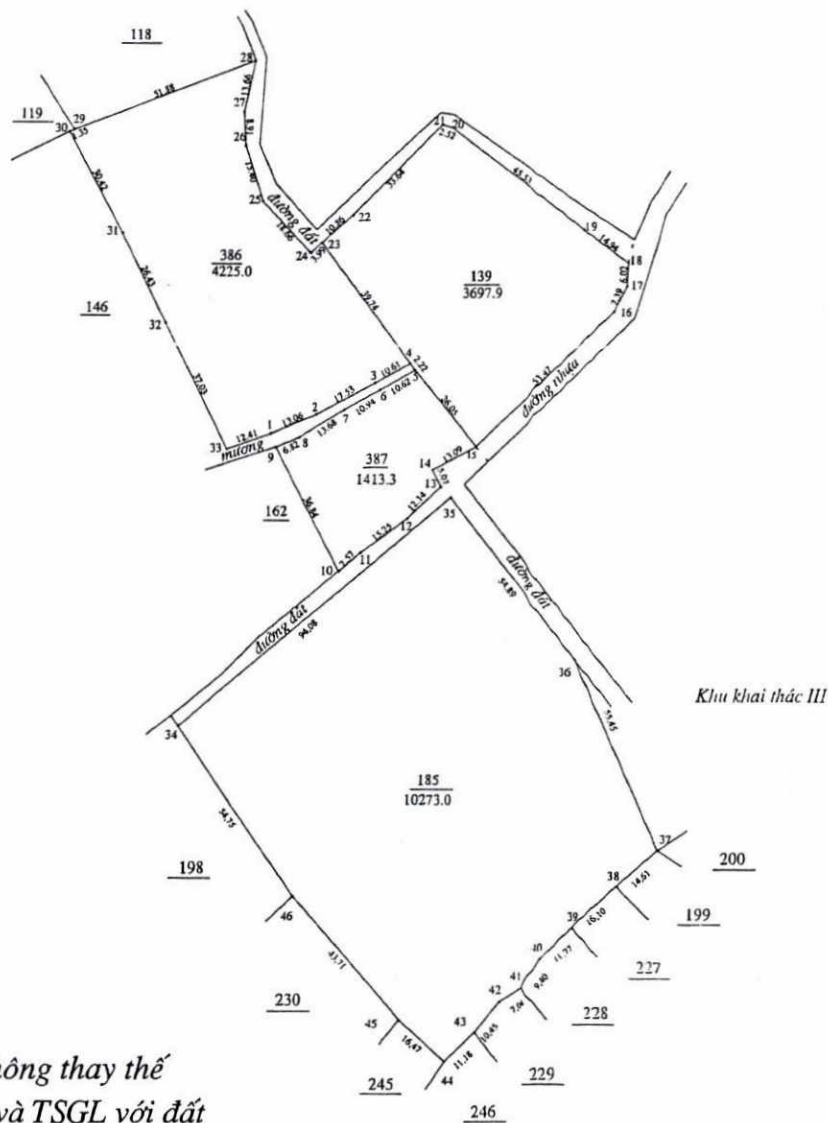


Lương Nguyễn Đăng Duy

# TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số : 118.../TL-ĐC

1. Thửa đất số: 139, 185, 386, 387 ; Tờ bản đồ số : 19  
Địa chỉ thửa đất : ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
2. Diện tích: 19609.2 m<sup>2</sup>
3. Mục đích sử dụng: SKX - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
4. Tên đơn vị sử dụng đất: **CÔNG TY TNHH PHƯỚC HẢI LỘC**  
Địa chỉ : ấp Long Thới, xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
5. Bản vẽ thửa đất :  
5.1. Sơ đồ thửa đất :



Tỷ lệ: 1/2000

## Ghi chú :

Trích lục BĐĐC này không thay thế  
GCN QSDĐ, QSHN ở và TSGL với đất

(Kèm theo quyết định số : ...../QĐ-UBND ngày ...../...../..... của UBND.....)

Ngày 10 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI TRÍCH LỤC

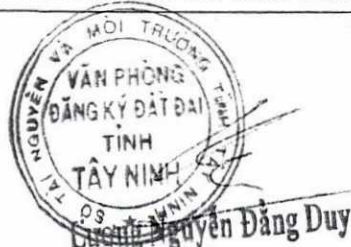
Ngày 10 tháng 08 năm 2016

P. GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH

*(Signature of Dương Tấn Đạt)*

DƯƠNG TẤN ĐẠT



6.2. Chiều dài và tọa độ cạnh thửa:

| Số hiệu<br>đỉnh thửa | Tọa độ VN-2000 |           | Chiều dài<br>(m) |
|----------------------|----------------|-----------|------------------|
|                      | X              | Y         |                  |
| 1                    | 1246467,10     | 559538,71 |                  |
| 2                    | 1246472,16     | 559550,75 | 13,06            |
| 3                    | 1246480,48     | 559566,18 | 17,53            |
| 4                    | 1246485,51     | 559575,52 | 10,61            |
| 5                    | 1246483,76     | 559576,89 | 2,22             |
| 6                    | 1246478,61     | 559567,60 | 10,62            |
| 7                    | 1246473,30     | 559558,04 | 10,94            |
| 8                    | 1246466,15     | 559546,38 | 13,68            |
| 9                    | 1246463,60     | 559540,06 | 6,82             |
| 10                   | 1246431,07     | 559557,35 | 36,84            |
| 11                   | 1246435,91     | 559563,17 | 7,57             |
| 12                   | 1246445,01     | 559575,41 | 15,25            |
| 13                   | 1246453,27     | 559584,30 | 12,14            |
| 14                   | 1246457,78     | 559581,98 | 5,07             |
| 15                   | 1246463,78     | 559593,61 | 13,09            |
| 16                   | 1246499,27     | 559630,89 | 51,47            |
| 17                   | 1246505,95     | 559634,06 | 7,39             |
| 18                   | 1246511,96     | 559634,43 | 6,02             |
| 19                   | 1246520,62     | 559622,26 | 14,94            |
| 20                   | 1246547,65     | 559585,62 | 45,53            |
| 21                   | 1246548,34     | 559583,20 | 2,52             |
| 22                   | 1246524,41     | 559559,55 | 33,64            |
| 23                   | 1246517,15     | 559551,48 | 10,86            |
| 24                   | 1246514,48     | 559548,51 | 3,99             |
| 25                   | 1246527,96     | 559535,61 | 18,66            |
| 26                   | 1246542,62     | 559530,88 | 15,40            |
| 27                   | 1246551,52     | 559530,42 | 8,91             |
| 28                   | 1246564,90     | 559533,19 | 13,66            |
| 29                   | 1246546,62     | 559484,64 | 51,88            |
| 30                   | 1246546,14     | 559483,38 | 1,35             |
| 31                   | 1246519,43     | 559497,94 | 30,42            |
| 32                   | 1246495,90     | 559509,98 | 26,43            |
| 33                   | 1246463,01     | 559526,99 | 37,03            |
| 1                    | 1246467,10     | 559538,71 | 12,41            |

| Số hiệu<br>Đỉnh thửa | Tọa độ VN-2000 |           | Chiều dài<br>(m) |
|----------------------|----------------|-----------|------------------|
|                      | X              | Y         |                  |
| 34                   | 1246389,94     | 559515,01 | 94,08            |
| 35                   | 1246450,48     | 559587,03 | 54,89            |
| 36                   | 1246407,85     | 559621,60 | 55,45            |
| 37                   | 1246357,59     | 559645,03 | 14,61            |
| 38                   | 1246348,04     | 559633,97 | 16,10            |
| 39                   | 1246337,07     | 559622,18 | 11,77            |
| 40                   | 1246328,80     | 559613,80 | 9,40             |
| 41                   | 1246321,07     | 559608,45 | 7,04             |
| 42                   | 1246317,30     | 559602,50 | 10,45            |
| 43                   | 1246309,19     | 559595,91 | 11,18            |
| 44                   | 1246301,50     | 559587,80 | 16,47            |
| 45                   | 1246312,46     | 559575,50 | 43,71            |
| 46                   | 1246345,15     | 559546,49 | 54,75            |
| 34                   | 1246389,94     | 559515,01 |                  |

# TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số : 983/TL-ĐC

1. Thửa đất số: 388

Tờ bản đồ số: 19

Địa chỉ thửa đất: ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

2. Diện tích: 8745,6 m<sup>2</sup>

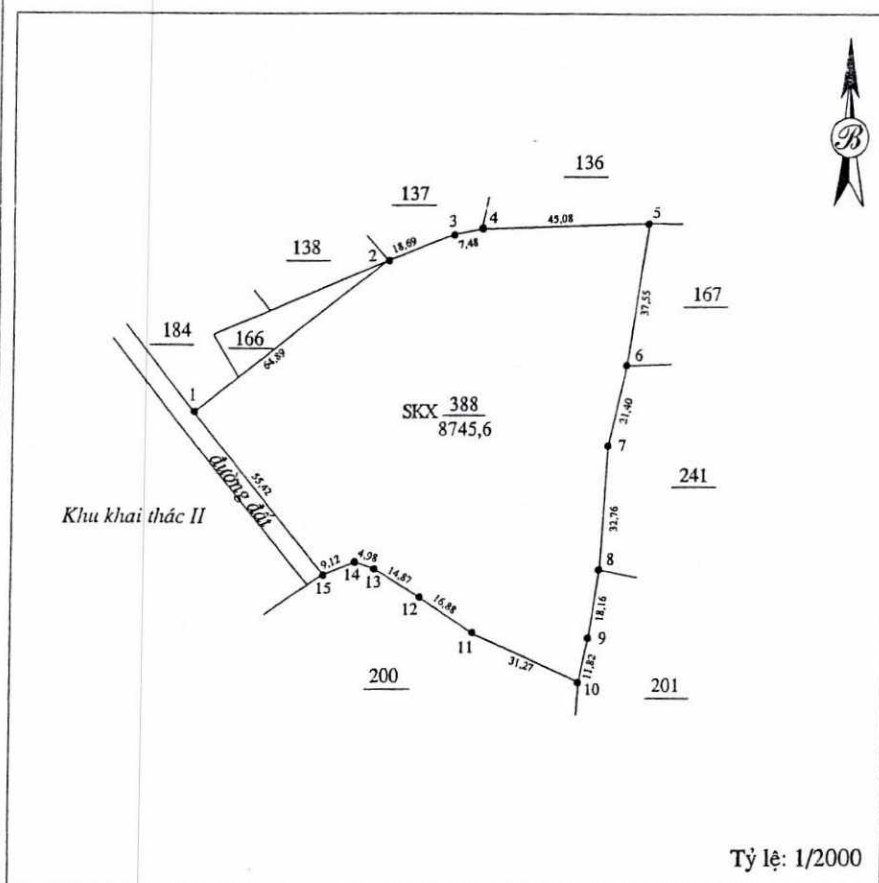
3. Mục đích sử dụng: SKX - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

4. Tên đơn vị sử dụng đất: CÔNG TY TNHH PHƯỚC HẢI LỘC

Địa chỉ: ấp Long Thới, xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

5. Bản vẽ thửa đất:

5.1. Sơ đồ thửa đất:



5.2. Tọa độ đỉnh và chiều dài cạnh thửa:

| Số hiệu<br>Đỉnh thửa | Tọa độ VN-2000 |           | Chiều dài<br>(m) |
|----------------------|----------------|-----------|------------------|
|                      | X              | Y         |                  |
| 1                    | 1246410,89     | 559625,57 | 64,89            |
| 2                    | 1246450,31     | 559677,11 | 18,69            |
| 3                    | 1246457,17     | 559694,50 | 7,48             |
| 4                    | 1246458,59     | 559701,84 | 45,08            |
| 5                    | 1246460,11     | 559746,89 | 37,55            |
| 6                    | 1246422,98     | 559741,32 | 21,40            |
| 7                    | 1246402,13     | 559736,48 | 32,76            |
| 8                    | 1246369,43     | 559734,43 | 18,16            |
| 9                    | 1246351,49     | 559731,61 | 11,82            |
| 10                   | 1246339,94     | 559729,11 | 31,27            |
| 11                   | 1246352,64     | 559700,53 | 16,88            |
| 12                   | 1246362,06     | 559686,52 | 14,87            |
| 13                   | 1246370,00     | 559673,95 | 4,98             |
| 14                   | 1246371,68     | 559669,26 | 9,12             |
| 15                   | 1246368,15     | 559660,85 | 55,42            |
| 1                    | 1246410,89     | 559625,57 |                  |

Ghi chú:

Trích lục Bđdc này không thay thế

GCN QSDĐ, QSHN ở và TSKGL với đất

(Kèm theo quyết định số : ...../QĐ-UBND ngày ...../...../..... của UBND.....)

Ngày 10 tháng 08 năm 2016  
NGƯỜI TRÍCH LỤC

Ngày 10 tháng 08 năm 2016  
P. GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH

DƯƠNG TẤN ĐẠT

